

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày: 04-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn

2. Ông Đặng Văn Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Trọng N, sinh năm 1996 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ C, Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 (đã chết) và bà Đỗ Thị Ngọc D, sinh năm 1973; Vợ con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ, Tạm giam: Không có; Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Hồ Thị M, sinh năm 1969 (đã chết)

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Ông **Tôn Văn K**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh **Tôn Thanh N1**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh **Tôn Quốc V**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh **Tôn Tấn N2**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

5. Chị **Tôn Thị Thu T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Anh N1, anh V, anh N2, chị T ủy quyền cho ông Tôn Văn K

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Đỗ Thị Ngọc D**, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn Trọng N bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 16/3/2025, bị cáo Nguyễn Văn Trọng N, điều khiển xe mô tô loại Future, biển số: 66FA-141.92 lưu thông trên Quốc lộ C theo hướng thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) đi xã B, tỉnh Đồng Tháp. Khi đến km 22+900 Quốc lộ C sau khi vừa xuống dốc cầu L thì rồ xe phía trước của xe mô tô va chạm vào phía bên trái của yên xe đạp do bà Hồ Thị M, sinh năm 1969, nơi thường trú: Tổ A, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) đang dẫn bộ từ phần đường bên phải sang phần đường bên trái cùng chiều ở phía trước làm bà M, bị cáo N và hai phương tiện cùng ngã xuống đường. Hậu quả: bà M và bị cáo N bị chấn thương nặng được đưa đến Bệnh viện Đ cấp cứu. Bà M do thương tích quá nặng, không điều trị được nên gia đình xin cho bà M về và tử vong tại nhà, còn bị cáo N thì chuyển đến Bệnh viện R ở Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 27/3/2025 thì xuất viện.

Tại Kết luận giám định tử thi số: 304/KLGĐTT-KTHS ngày 26/03/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Bà Hồ Thị M bị chấn thương nặng vùng đầu gây nứt xương sọ dẫn đến dập và xuất huyết là nguyên nhân tử vong.

Phiếu đo nồng độ cồn trong hơi thở của Nguyễn Văn Trọng N ngày 16/3/2025, kết quả: 0,000mg/l khí thở.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/3/2025 và biên bản dựng lại hiện trường ngày 14/5/2025 thể hiện: mặt đường nơi xảy ra tai nạn rộng 7m60, mặt đường dạng bê tông nhựa, có vạch kẻ tim đường màu vàng, vạch đơn liền phân chia phần đường, đường khô thoáng, tầm nhìn không bị hạn chế. Vết cày số 01 dài 13m60, đầu vết cày đo vào lề 2m40, cuối vết cày đo vào lề 1m30. Vị trí vùng va chạm trước vết cày số 01, bán kính 0m30 x 0m30, cách lề phải 3m theo hướng đi ngã 3 A

Kết quả khám phương tiện xe mô tô ngày 16/3/2025 thể hiện: rồ xe mô tô biển số 66FA-141.92 mặt trên phía trước bên phải bằng rồ kim loại màu đen, bị móp từ trước vào trong, từ phía dưới lên trên, cách mặt đất 0m80.

Kết quả khám phương tiện xe đạp ngày 16/3/2025 thể hiện: yên xe có vết trầy xước, bám chất màu đen không liên tục kích thước (0m16 x 0m15), hướng từ sau ra trước cách mặt đất 0m77.

Tại Kết luận giám định số: 408/KL-KTHS ngày 21/04/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đối với dấu vết cơ học, kết luận:

- Dấu vết móp thụng ở rõ xe phía trước của xe mô tô, biển số: 66FA-141.92 phù hợp với dấu vết trượt xước bám dính chất màu đen trên yên xe đạp.

- Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 66FA-141.92 với xe đạp trên mặt đường là ở phía trước vết cày số 1 và không xác định thuộc phần đường bên phải hay bên trái theo hướng thành phố C, tỉnh Đồng Tháp - huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về vật chứng, quá trình điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô loại FUTURE FI đã qua sử dụng, biển số: 66FA-141.92, xe bị trầy xước, gãy vỡ nhiều nơi do tai nạn giao thông.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 66 006475, biển số: 66FA-141.92 mang tên chủ xe Nguyễn Văn Trọng N, sinh năm 1996, địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 (một) giấy phép lái xe số: 870167005433 hạng A1, cấp ngày 26/10/2018 mang tên NGUYỄN VĂN T1 NHÂN, ngày sinh: 04/09/1996, nơi cư trú: X. M, H. C, T. Đ.

- 01 xe đạp đã qua sử dụng, xe bị trầy xước, gãy vỡ nhiều bộ phận do tai nạn giao thông.

Đối với chiếc xe mô tô loại FUTURE FI đã qua sử dụng, biển số: 66FA-141.92 thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Văn Trọng N do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại chiếc xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo N.

Đối với chiếc xe đạp là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Hồ Thị M, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ đã trao trả lại chiếc xe đạp nêu trên cho đại diện của bị hại là ông Tôn Văn K, sinh năm 1971, nơi thường trú: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) chồng của bà M.

Từ kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và kết luận giám định pháp y về tử thi đối với Hồ Thị M, xác định Nguyễn Văn Trọng N điều khiển xe không chú ý quan sát, không giảm tốc độ khi thấy xe và người phía trước đang qua đường và vượt xe cùng chiều không đảm bảo an toàn là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông. Do đó hành vi của Nguyễn Văn Trọng N đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 14 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, gây hậu quả chết người.

Về dân sự:

Ông Tôn Văn K đại diện cho bị hại yêu cầu Nguyễn Văn Trọng N bồi thường số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo N đồng ý bồi thường nên bà Đỗ Thị Ngọc D (mẹ ruột của N) thay mặt cho bị cáo bồi thường cho ông Tôn Văn K số tiền

80.000.000 đồng. Ông K đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm. Ngoài ra bà D cũng không yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền mà bà đã thay mặt N bồi thường

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành thật khai báo hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số **49/CT-VKSKV9** ngày 31/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Trọng N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trọng N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trọng N với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy phép lái xe số: 870167005433 hạng A1, cấp ngày 26/10/2018 mang tên NGUYỄN VĂN T1 NHÂN, ngày sinh: 04/09/1996, nơi cư trú: X. M, H. C, T2 Đồng Tháp

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại ông Tôn Văn K trình bày:

- Ông K thống nhất với Bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Gia đình bị hại đã nhận được của bị cáo là 80.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về phần hình phạt đối với bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Ngọc D trình bày: Đối với số tiền 80.000.000 đồng bà D đã cho bị cáo N bồi thường cho gia đình bị hại thì bà D không có yêu cầu bị cáo trả lại. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp gì. Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin lỗi gia đình của bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát Khu vực 9 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Trọng N thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng **số 49/CT-VKSKV9** ngày 31/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp là đúng với hành vi của bị cáo.

Vào lúc 14 giờ 10 phút ngày 16/3/2025, Nguyễn Văn Trọng N điều khiển xe mô tô loại loại FUTURE FI, biển số: 66FA-141.92 lưu thông trên Quốc lộ C theo hướng thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) đi xã B, tỉnh Đồng Tháp. Khi đến km 22+900 Quốc lộ C sau khi vừa xuống dốc cầu L thuộc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ và vượt xe không đảm bảo an toàn nên xảy ra va chạm với xe đạp do bà Hồ Thị M, sinh năm 1969, nơi thường trú: Tổ A, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) đang dẫn bộ từ phần đường bên phải sang phần đường bên trái cùng chiều ở phía trước, hậu quả bà M bị thương tích nặng vùng đầu gây nứt xương sọ dẫn đến dập và xuất huyết nên tử vong

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Trọng N đã vi phạm vào các hành vi bị nghiêm cấm được quy định vào khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 14 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Trọng N đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người.”

[3] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Trọng N, khi thực hiện tội phạm là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bản thân bị cáo đã học tập và được cấp giấy phép lái xe theo quy định nhưng bị cáo điều khiển xe không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao thông đường bộ. Cụ thể là bị cáo đã điều khiển xe thiếu quan sát, không đảm bảo an toàn giao thông để xảy ra va chạm khi lưu thông và đây là nguyên nhân chính gây ra vụ tai nạn giao thông như đã nêu trên.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tâm lý người dân khi tham gia giao thông, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, gia đình của bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét thấy, bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và còn là lao động chính trong gia đình nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự là không cần thiết.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 80.000.000 đồng. Bà Đỗ Thị Ngọc D là mẹ của bị cáo cùng bị cáo đã bồi thường, khắc phục cho ông K số tiền này xong. Người đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Bà Đỗ Thị Ngọc D không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà D đã cho bị cáo N bồi thường khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào bà D có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với giấy phép lái xe hạng A1, cấp ngày 26/10/2018 mang tên Nguyễn Văn Trọng N là tài sản cá nhân của bị cáo cần xem xét trả lại cho bị cáo

[10] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn Trọng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp về tội danh, điều luật truy tố và các vấn đề khác là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trọng N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Trọng N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy phép lái xe số: 870167005433 hạng A1, cấp ngày 26/10/2018 mang tên NGUYỄN VĂN T1 NHÂN, ngày sinh: 04/09/1996, nơi cư trú: X. M, H. C, T. Đ.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh Đ với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Đồng Tháp.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Văn Trọng N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 9;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa